

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG LÁT
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày 20-11-2019

V/v: Không công nhận là vợ
chồng, tranh chấp về nuôi con
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LÁT, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Thành

2. Ông Lương Văn Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên
tòa:** Ông Phạm Viết Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 20/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 về “Không công nhận là vợ chồng, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phàng Thị X, sinh năm 1988

Trú tại: Bản Pa Búa, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Thào A S, sinh năm 1985

Trú tại: Bản Pa Búa, xã Trung Lý, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Phân trại số 1, Trại giam Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

3. Người phiên dịch cho Nguyên đơn: Ông Lý Seo D, sinh năm 1950

Trú tại: Bản Pom Khuông, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn Phàng Thị Xúc trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Thào A S tự do tìm hiểu, yêu đương, không bị ai ép buộc, hai người hoàn toàn tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của người dân tộc H'Mông tại địa phương vào đầu năm 2005. Cưới xong, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian dài. Đến năm 2013, thì anh Thào A S không tu chí lo cuộc

sống gia đình, ham chơi cùng bạn bè và nghiện chất ma túy, nhiều lần bản thân chị và gia đình hai bên nội, ngoại đã động viên, nhắc nhở, khuyên bảo nhưng anh S không nghe. Mặc dù hai người rất cố gắng để thay đổi nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được, sau đó anh đi sang tỉnh Sơn La buôn bán chất ma túy và bị Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xử phạt 15 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và phải đi chấp hành hình phạt tù từ năm 2013 đến nay. Ngày 28/5/2014 chị đã đến UBND xã Trung L để đăng ký kết hôn với anh Thảo A S (nhưng khi đó anh Thảo A S không có mặt) và được UBND xã Trung L, huyện Mường Lát cấp “Giấy chứng nhận kết hôn” cho chị. Chị thấy, từ khi anh Thảo A S đi tù, đặc biệt là mấy năm gần đây, cuộc sống của chị rất khó khăn, tình cảm vợ chồng bây giờ không thể cải thiện được nữa, mỗi lần đến thăm anh S tại Trại giam chị thấy anh không có tình cảm và quan tâm đến chị, nay chị không còn tình cảm với anh Thảo A S nữa và chị cảm nhận được là anh Thảo A S cũng không còn tình cảm với chị và hiện tại chị không có thai nghén. Mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc nuôi dạy con cái trưởng thành nhưng không đạt được, mong Tòa án xem xét cho chị và anh Thảo A S ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, hai vợ chồng có 04 con chung, tên các cháu là: Thảo Thị D, sinh ngày 03/3/2006; cháu Thảo A D, sinh ngày 25/8/2008; cháu Thảo Thị C, sinh ngày 08/02/2011 và cháu Thảo Thị D1, sinh ngày 10/10/2014, hiện các cháu đang còn nhỏ và đều đang đi học, các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Nguyên vọng của chị là muốn được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu cả 04 cháu, cho đến khi từng cháu trưởng thành, vì anh Thảo A S đang phải đi chấp hành hình phạt tù, nên không có khả năng chăm sóc các cháu, khi nào anh Thảo A S đi tù về chị sẽ nhường các con cho anh Thảo A S nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu anh Thảo A S cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh Thảo A S đang phải đi chấp hành hình phạt tù, nên không có thu nhập. Khi có yêu cầu, chị sẽ yêu cầu ở vụ án khác.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị thuộc diện hộ nghèo của xã Trung L, huyện Mường Lát, nên đề nghị Tòa án xem xét miễn án phí sơ thẩm.

Tại Biên bản lấy lời khai và quá trình giải quyết và tại phiên hòa giải, bị đơn Thảo A S bày tỏ:

Về Hôn nhân: Anh đã được nhận đơn khởi kiện và bản tự khai của chị Phàng Thị X, anh thấy chị Phàng Thị X trình bày là đúng hoàn toàn sự thật, anh chị đến với nhau hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không ai ép buộc ai. Anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định. Năm 2013 anh bị Tòa án tỉnh Sơn La xử phạt 15 năm tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, sau khi anh đi chấp hành hình phạt tù thì ở nhà chị Phàng Thị X có đi đăng ký kết hôn hay không thì anh không biết, anh khẳng định là anh không được ký vào “Giấy đăng ký kết hôn”. Theo anh, thì cuộc sống vợ chồng từ khi cưới nhau cho đến khi anh đi chấp hành hình phạt tù, thì không có mâu thuẫn gì. Nguyên vọng của anh là không muốn ly hôn với chị Phàng Thị X, vì anh đang còn yêu thương chị Xúc,

Mong chị X đợi anh, khi anh chấp hành xong án phạt tù sẽ về cùng nhau chung sống, nuôi dạy các con.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh đồng ý với trình bày của chị Na, anh chị có 04 con chung, tên các cháu là: Thào Thị D, sinh ngày 03/3/2006; cháu Thào A D, sinh ngày 25/8/2008; cháu Thào Thị C, sinh ngày 08/02/2011 và cháu Thào Thị D1, sinh ngày 10/10/2014, do cháu đang còn nhỏ, đang còn đi học và hiện đang ở với chị Phàng Thị X, tại bản Pa B, xã Trung L. Nguyên vọng của anh là muốn được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cả 04 con chung. Yêu cầu chị Phàng Thị X phải cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đề nghị khác: Hiện tại, anh đang phải chấp hành hình phạt tù tại Phân trại số 1, Trại giam Thanh Phong, huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa, nên anh không thể đến tham gia phiên tòa xét xử được, anh đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của người có quyền lợi được bảo vệ: Tòa án đã thu thập được lời khai của các con của đương sự từ 07 tuổi trở lên, thì các con của đương sự đều có nguyện vọng được ở với chị Phàng Thị X. Vì anh Thào A S đang phải đi chấp hành án nên không có thời gian và kinh tế để chăm sóc các cháu.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Phàng Thị X và anh Phàng A S đã chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị HĐXX, không công nhận chị Phàng Thị X và anh Thào A S là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ điều 15 và điều 81 Luật HNGĐ năm 2014, giao các cháu: Thào Thị D, sinh ngày 03/3/2006; cháu Thào A D, sinh ngày 25/8/2008; cháu Thào Thị C, sinh ngày 08/02/2011 và cháu Thào Thị D1, sinh ngày 10/10/2014 cho chị Phàng Thị X là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành, anh Thào A S có quyền đi lại thăm non con chung, chị Phàng Thị X không được ngăn cấm, cản trở, anh Thào A S có quyền làm đơn thay đổi người trực tiếp nuôi con chung khi có căn cứ pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Thào A S không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung. Giành quyền khởi kiện vụ án về cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phàng Thị X khi có căn cứ pháp luật.

Về tài sản, nợ nần chung: Không giải quyết.

Về án phí: Đề nghị HĐXX miễn án phí sơ thẩm cho chị Phàng Thị X.

Kiến nghị UBND xã Trung L, huyện Mường Lát hủy “Giấy chứng nhận kết hôn” số 17 ngày 28/5/2014, vì giấy này khi đăng ký không đúng theo quy định của pháp luật, anh Thào A S chưa ký và lúc này anh Thào A S đang đi chấp

hành hình phạt tù, nên không thể có mặt để tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ điều 28, điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình và Biên bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án giải quyết của các đương sự, thì Tòa án nhân dân huyện Mường Lát thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án này.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Theo quy định tại điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là “Tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn”. Căn cứ điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự, thì chị Phàng Thị X là nguyên đơn, anh Thảo A S là bị đơn.

[3] Việc chấp hành pháp luật của Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Về người tiến hành tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, thì người tiến hành luôn tiến hành đầy đủ các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ; yêu cầu cung cấp lời khai; lấy lời khai; xác minh tình trạng hôn nhân; kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ..... theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đã tổng đạt đầy đủ, đúng thời gian các thủ tục tố tụng cho người tham gia tố tụng. Về người tham gia tố tụng: Các đương sự luôn chấp hành tốt quyền và nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa.

Anh Thảo A S đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam Thanh Phong, huyện Nông Cống và đã có ‘Đơn xin xét xử vắng mặt’. Nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 điều 227 và điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về Hôn nhân: Chị Phàng Thị X và anh Thảo A S được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào đầu năm 2005, theo phong tục tập quán của người H'Mông, đến nay đã đủ điều kiện đăng ký kết hôn, nhưng anh chị vẫn không đăng ký kết hôn theo luật định. Theo quy định tại khoản 1 điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì “Quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập trước ngày Luật này có hiệu lực thì áp dụng Luật về hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập để giải quyết”. Như vậy, tại thời điểm xác lập quan hệ chung sống như vợ chồng giữa chị Phàng Thị X và anh Thảo A S thì pháp luật được áp dụng để giải quyết là Luật Hôn nhân Gia đình năm 2000 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Việc chị X và anh S chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2005, đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là đã không tuân thủ quy định tại điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nay là điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Khoản 1 điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định: Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo

nghi thức quy định tại điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn không theo quy định tại điều 14 của luật này đều không có giá trị pháp lý.

Nam nữ không đăng ký kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Đối chiếu với quy định pháp luật thấy rằng: Tại điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003; trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn, nhưng có yêu cầu ly hôn thì Tòa án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng.

Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì áp dụng pháp luật không công nhận họ là vợ chồng. Vì vậy, chị Phàng Thị X và anh Thào A S phải đi đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng cho đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định, thể hiện ý thức chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc.

Hơn nữa, theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, thì: Tại khoản 1 điều 14 quy định: Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.....

Khoản 2 điều 53 quy định: Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 điều 14 của Luật này....

Do vậy, quan hệ chung sống như vợ chồng giữa chị Phàng Thị X và anh Thào A S phải được giải quyết bằng bản án tuyên bố anh chị không phải là vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị HĐXX không công nhận chị Phàng Thị X và anh Thào A S là vợ chồng. Nên Hội đồng xét xử tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phàng Thị X và anh Thào A S.

Hội đồng xét xử nhận thấy: “Giấy đăng ký kết hôn” số 17 ngày 28/5/2018 của UBND xã Trung L, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, thì HĐXX thấy không hợp lệ, vì lúc này anh Thào A S đã đi chấp hành hình phạt tù, nên không thể có mặt tại UBND xã Trung L, huyện Mường Lát để làm thủ tục đăng ký kết hôn được, hơn nữa trên giấy đăng ký kết hôn chưa có chữ ký của anh Thào A S và anh Thào A S thừa nhận là anh chưa được đi đăng ký kết hôn. HĐXX đề nghị UBND xã Trung L, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa phải hủy “Giấy đăng ký kết hôn” số 17 ngày 28/5/2018 vì đã đăng ký kết hôn trái với quy định của pháp luật theo điều 13 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nên, tình trạng hôn nhân của chị Phàng Thị X và anh Thào A S vẫn đang chung sống với nhau từ năm 2005 đến nay như vợ chồng, chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

[5] Về con chung: Trong quá trình chung sống thì anh chị có 04 con chung, tên cháu là: Thảo Thị D, sinh ngày 03/3/2006; cháu Thảo A D, sinh ngày 25/8/2008; cháu Thảo Thị C, sinh ngày 08/02/2011 và cháu Thảo Thị D1, sinh ngày 10/10/2014, hiện các cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực. Chị Phàng Thị X yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 04 con chung; Anh Thảo A S không đồng ý và cũng có nguyện vọng được nuôi cả 04 con chung của anh chị; HĐXX thấy nguyện vọng của anh Thảo A S là không hợp lý, vì anh đang phải chấp hành hình phạt tù, không có điều kiện về thời gian và kinh tế để chăm sóc các cháu. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa cũng đề nghị giao 04 con chung của anh chị cho chị Phàng Thị X nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Hội đồng xét xử thống nhất giao các cháu: Thảo Thị D, sinh ngày 03/3/2006; cháu Thảo A D, sinh ngày 25/8/2008; cháu Thảo Thị C, sinh ngày 08/02/2011 và cháu Thảo Thị D1, sinh ngày 10/10/2014 cho chị Phàng Thị X là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành. Anh Thảo A S có quyền đi lại thăm nom con chung, chị Phàng Thị X không được ngăn cản cản trở. Giành quyền khởi kiện cho anh Thảo A S về thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Phàng Thị X không yêu cầu nên không giải quyết. Giành quyền khởi kiện về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phàng Thị X khi thấy cần thiết và có căn cứ pháp luật. Không chấp nhận đề nghị của anh Thảo A S về việc yêu cầu chị X phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[7] Về tài sản chung, công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ, khoản 1 điều 12; điều 14; điều 24 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm cho chị Phàng Thị X.

Chị Phàng Thị X có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh Thảo A S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 28, điều 35, điều 68, khoản 1 điều 227, điều 228, điều 266, điều 273, điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 147, điều 148, điều 278, điều 282, điều 372 Bộ luật dân sự;

Điều 9, điều 11 luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000;

Điều 9, điều 11, điều 13, điều 14, điều 15, khoản 2 điều 53, điều 57, điều 58, điều 81, điều 83, điều 84, điều 88 Luật HN&GD năm 2015;

Điểm b mục 1 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X;

Điều đ, khoản 1 điều 12; điều 14; điều 24 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về Hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phàng Thị X và anh Thào A S.

2. Về con chung: Giao các cháu: Thào Thị D, sinh ngày 03/3/2006; cháu Thào A D, sinh ngày 25/8/2008; cháu Thào Thị C, sinh ngày 08/02/2011 và cháu Thào Thị D1, sinh ngày 10/10/2014 cho chị Phàng Thị X là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi từng cháu trưởng thành; hiện các cháu phát triển bình thường về trí lực và thể lực. Anh Thào A S có quyền đi lại thăm nom con chung, chị Phàng Thị X không được ngăn cấm cản trở. Giành quyền khởi kiện cho anh Thào A S có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con khi thấy cần thiết và có căn cứ pháp luật.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Thào A S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Giành quyền khởi kiện về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phàng Thị X khi thấy cần thiết và có căn cứ pháp luật.

4. Về tài sản chung, nợ nần chung: Không xem xét.

5. Về án phí: Miễn án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm cho chị Phàng Thị Xúc.

5. Kiến nghị: Đề nghị UBND xã Trung L, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, hủy “Giấy đăng ký kết hôn” số 17 ngày 28/5/2018 giữa chị Phàng Thị X và anh Thào A S, vì đã đăng ký kết hôn trái với quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Chị Phàng Thị X có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn Thào A S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục Thi hành án dân sự H. Mường Lát;
- UBND xã Trung Lý, H. Mường Lát, T.Hóa;
- Nguyên đơn Phàng Thị S;
- Bị đơn Thào A S;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Tiến Dũng

